TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2025
"V/v Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Kiều

Bà Trần Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đoàn Thị N, sinh năm 1987; nơi thường trú: tầng 7, số F phố F, Sham S, C, Hồ N. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1985; nơi thường trú: khu A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Đoàn Thị N (được hợp pháp hóa lãnh sự tại T tại Hồ N và Ma Cao ngày 14/01/2025), thể hiện nội dung*: chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Huy Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ninh ngày 30/8/2022. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, không cùng nhau vun vén hạnh phúc gia đình; thường xuyên cãi vã, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay, chị N và anh Đ đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Chị N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Đ.

Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Huy Đ trình bày*: anh Nguyễn Huy Đ và chị Đoàn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ninh ngày 30/8/2022. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không cùng nhau vun vén hạnh phúc gia đình.

Hiện nay, chị N đang sinh sống và làm việc tại Hồ N, anh Đ và chị N không còn sống chung với nhau nữa. Chị N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị N được ly hôn anh Đ, anh Đ đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của chị N.

Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị N và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn",* nguyên đơn chị Đoàn Thị N hiện đang sinh sống, làm việc tại Hồ N. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn chị Đoàn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Huy Đ đều vắng mặt tại phiên toà, đã có bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị N và anh Nguyễn Huy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ninh ngày 30/8/2022, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, theo chị N và anh Đ trình bày là không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, không cùng nhau vun vén hạnh phúc gia đình; thường xuyên cãi vã, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay, chị N đang sinh sống và làm việc tại Hồ N, chị N và anh Đ không còn sống chung với nhau nữa, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Đ, anh Đ đồng ý. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh Đ không còn sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Đ.

[2.2] Về con chung: không có, chị N và anh Đ đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị N và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đoàn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Huy Đ

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005975 ngày 03/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: chị Đoàn Thị N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Huy Đ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND huyện B, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng